TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04**/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 11-3-2019
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Liên**

Các Thẩm phán : **Ông Bùi Xuân Liêm**

Ông Nguyễn Hữu Thịnh

Thư ký phiên toà: **Bà Trần Thị Thanh Thảo -** Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: **Bà Trần Thị Thanh Bắc –** Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 , tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 21/2018/TLPT - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 408/2018/ HNGĐ-ST, ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02A/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Thanh T1** – Sinh năm 1983

HKTT: Thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Chỗ ở: Tổ 5, khối B, phường T, thành phố H, Quảng Nam.

*Bị đơn***:** Ông **Trần Thiện T2** – Sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người kháng cáo: Ông Trần Thiện T2 - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh T1 trình bày:

Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Thanh T1 và ông Trần Thiện T2 kết hôn với nhau vào ngày 21/9/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T2 bài bạc, nhậu say về đánh đập bà T1 và không cho bà T1 đi làm, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không khắc phục được. Vào đầu năm 2017, bà T1 có làm đơn ly hôn gửi đến Tòa nhưng bị Tòa cấp sơ thẩm bác đơn, bà T1 kháng cáo tại cấp phúc thẩm ông T2 năn nỉ, hứa thay đổi lo làm ăn và khuyên bà về sống, vì các con nên bà T1 đã rút đơn về đoàn tụ nhưng sau khi ở Tòa về thì ông T2 trở mặt, có những lời lẽ thách thức và không muốn bà T1 về chung sống nên vợ chồng không chung sống từ đó đến nay đã hơn 1 năm nay. Bà T1 đợi sau thời gian một năm kể từ ngày bác đơn ở cấp sơ thẩm thì bà tiếp tục nộp đơn khởi kiện lại và yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với ông Trần Thiện T2.

Về nuôi con chung: có 02 con Trần Bùi Phúc A và Trần Bùi Phúc K – Sinh cùng ngày 14/02/2013, bà có nguyện vọng được nuôi con Trần Bùi Phúc A và giao con Trần Bùi Phúc K cho ông T2 nuôi dưỡng, các bên tự lực nuôi con, không cấp dưỡng.

Về chia tài sản, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 27/8/2018 và trong quá trình xét xử bị đơn ông Trần Thiện T2 trình bày:

Về năm đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn theo như bà T1 trình bày là đúng ông không bổ sung gì, về mâu thuẫn vợ chồng thì theo ông vợ chồng nào trong quá trình chung sống cũng có những mâu thuẫn bất hòa, ông thừa nhận khi vợ chồng cãi vả ông bực bội nên có đánh bà T1 bạt tai nhưng không đến nỗi bạo lực, ngược đãi. Cuối năm 2016, sau khi bị đánh bà T1 bỏ nhà đi và làm đơn gửi Tòa án xin ly hôn nhưng đến cấp phúc thẩm ông có hứa thay đổi, khuyên bà T1 về sống nên bà T1 rút đơn. Nhưng sau đó vì có ý nghĩ bà T1 là người đã tự ý bỏ đi thì để bà T1 tự quay về nên ông không chủ động liên lạc hay khuyên bảo bà T1 về nhà. Từ đó đến nay bà T1 cũng không trở về nhà, vợ chồng sống ly thân nhau hơn một năm nay. Hiện nay, bà T1 yêu cầu ly hôn ông T2 đồng ý.

Về con chung: có 02 con Trần Bùi Phúc A và Trần Bùi Phúc K là hai anh em sinh đôi cùng ngày 14/02/2013, từ khi bà T1 bỏ nhà đi các con sống cùng với ông, một mình ông chăm sóc và nuôi dưỡng các con. Theo ông, việc bà T1 bỏ các con không nuôi dưỡng là thiếu trách nhiệm và không đủ tư cách yêu cầu được nuôi con, hơn nữa các con là một cặp sinh đôi nếu tách ra thì sẽ sinh bệnh, khó nuôi nên ông yêu cầu nuôi hết hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Với nội dung như trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 408/2018/ HNGĐ-ST, ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 58, 81, 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Thanh T1 với ông Trần Thiện T2.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con Trần Bùi Phúc K – Sinh ngày: 14/02/2013 cho ông Trần Thiện T2 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động; Giao con Trần Bùi Phúc A – Sinh ngày 14/2/2013 cho bà Bùi Thị Thanh T1, trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động. Các bên tự lực nuôi con và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai cản trở. (Con Trần Bùi Phúc A và Trần Bùi Phúc K hiện nay đang sống với ông Trần Thiện T2 tại Thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Trần Thiện T2 kháng cáo về phần nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Tâm về nuôi con chung thì thấy: Theo xác nhận của địa phương bà T1 bỏ đi là do có hành động bạo lực từ ông T2, trước khi đi bà T1 có làm đơn báo chính quyền địa phương về hành vi bạo lực của ông T2 cũng như việc bà có bồng con theo nhưng bị ông T2 và gia đình chồng ngăn cản. Đồng thời phía nhà trường nơi hai con Trần Bùi Phúc A và Trần Bùi Phúc K đang theo học có xác nhận: Do bà T1 không thể về nhà chồng thăm nom con chung được nên kể từ năm 2017, nhà trường đã tạo điều kiện để mỗi tuần 1 lần bà T1 đến trường học thăm nom, chăm sóc và mua quà bánh cho hai con. Do đó, việc bà T1 không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là do bị ông T2 ngăn cản, nhưng bản thân bà vẫn tìm mọi cách để được tiếp cận, gần gũi với các con nên nguyện vọng được nuôi con của người làm mẹ như bà T1 là chính đáng, phù hợp với quyền lợi được bảo vệ của phụ nữ. Ông T2 cho rằng việc hai con là một cặp sinh đôi nếu tách riêng hai con thì sẽ sinh bệnh, khó nuôi đây chỉ là ý chí chủ quan của ông T2 chưa có cơ sở thực tế chứng minh. Do đó, bản án sơ thẩm quyết định về phần con chung giao cháu Trần Bùi Phúc A cho bà T1 nuôi dưỡng và giao cháu Trần Bùi Phúc K cho ông T2 nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các con. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thiện T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trần Thiện T2 trong thời hạn Luật định. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T2 giữ nguyên kháng cáo xin nuôi con nên Hội đồng xét xử xem

xét về phần con chung, những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Thiện T2 về phần nuôi con chung, thì thấy:

Ông Trần Thiện T2 và bà Bùi Thị Thanh T1 có 02 con chung Trần Bùi Phúc A và Trần Bùi Phúc K - sinh đôi cùng ngày 14/02/2013, các con hiện đang ở cùng với ông Trần Thiện T2, ông T2 có nguyện vọng được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng. Bà T1 có nguyện vọng được nuôi con Trần Bùi Phúc A. Hội đồng xét xử xét thấy: Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng, cả ông T2 và bà T1 đều có nguyện vọng được nuôi con, đây là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ sau khi ly hôn đối với con chưa thành niên được pháp luật quy định. Ông T2 và bà T1 đều có nghề nghiệp ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy con, tuy nhiên hai cháu Phúc A và Phúc K là hai anh em sinh đôi, đã trên 36 tháng tuổi, cùng sống bên nhau và gắn bó từ khi sinh ra cho đến nay, quá trình ly thân giữa bà T1 và ông T2 thì hai con ở với ông T2, do ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu phát triển khoẻ mạnh, bình thường, được đến trường đi học thể hiện ông T2 là người cha có tình yêu thương, trách nhiệm đối với con. Hơn nữa, ông T2 hiện nay làm nghề trồng cây cảnh nên có thu nhập ổn định, tự chủ động sắp xếp thời gian để chăm sóc con.

Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi* ***căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con****; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường, không làm thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng đến tâm lý, việc học tập, sinh hoạt của hai cháu A, K hiện đang do ông Tâm trực tiếp nuôi dưỡng và để giữ tình cảm yêu thương, gắn kết của hai anh em sinh đôi hiện đang sống cùng nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông T2, sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung, giao hai con chung là cháu Trần Bùi Phúc K và cháu Trần Bùi Phúc A – cùng sinh ngày 14/02/2013 cho ông Trần Thiện T2 tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động.

[3] Bà Thu có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Sau khi ly hôn, nếu có căn cứ chứng minh ông T2 không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà T1 có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Trần Thiện T2 được chấp nhận nên ông T2 không chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử : Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thiện T2. Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 408/2018/ HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ về phần nuôi con chung.

1. Về quan hệ con chung: Giao con Trần Bùi Phúc K và Trần Bùi Phúc A – cùng sinh ngày: 14/02/2013 cho ông Trần Thiện T2 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động;

Bà Bùi Thị Thanh T1 có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình: Ông Trần Thiện T2 không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí ông T2 đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001574 ngày 06/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11-3-2019). Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên

Nơi nhận:
- TAND TX Đ;
- VKSND TX Đ;
- Chi cục THADS TX Đ;
- VKSND tỉnh Quảng Nam
- Đương sự
- Lưu.